**BÀI TẬP ÔN TẬP CUỐI KÌ II**

LỊCH SỬ 11 NĂM HỌC 2024 -2025

Phần **I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN:**

**Câu 1.** Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quan trọng

A. trong việc hình thành và nâng cao lòng tự hào dân tộc.

 B. trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước.

 C. đối với sự sinh tồn và phát triển của quốc gia, dân tộc

 D. khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

**Câu 2.** Một trong những cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỉ X B. kháng chiến chống quân Triệu thế kỉ II TCN

C. kháng chiến chống quân Minh thế kỉ XV D. kháng chiến chống thực dân Pháp thế kỉ XIX

**Câu 3.** Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán năm 938 diễn ra tại

A. sông Bạch Đằng. B. sông Như Nguyệt. C. bến Đông Bộ Đầu. D. cửa ải Hàm Tử

**Câu 4.** Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thời Lý diễn ra tại

A. sông Bạch Đằng. B. sông Như Nguyệt. C. đồn Ngọc Hồi - Đống Đa. D. bến Đông Bộ Đầu.

**Câu 5.** Trận quyết chiến chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Thanh năm 1789 diễn ra tại

A. sông Bạch Đằng. B. sông Như Nguyệt. C. đồn Ngọc Hồi - Đống Đa. D. cửa ải Chi Lăng

**Câu 6.** Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược năm 938 là

A. Ngô Quyền. B. Trần Hưng Đạo. C. Lê Lợi. D. Quang Trung - Nguyễn Huệ.

**Câu 7.** Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm và Thanh cuối thế kỉ XVIII là

A. Ngô Quyền. B. Trần Hưng Đạo. C. Lê Lợi. D. Nguyễn Huệ - Quang Trung.

**Câu 8.** Cuộc khởi nghĩa nào sau đây của quân dân Việt Nam có đặc điểm độc đáo: sự khởi đầu và kết thúc cuộc khởi nghĩa là một hội thề lịch sử?

A. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan B. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

C. Khởi nghĩa Lam Sơn D. Khởi nghĩa Bà Triệu

**Câu 9.** Dòng sông nào sau đây ba lần ghi danh quân dân Việt Nam chiến thắng quân xâm lược?

A. Sông Đà B. Sông Bạch Đằng C. Sông Hồng D. Sông Mê – công

**Câu 10.** Một trong những cuộc kháng chiến **không** thành công của dân tộc Việt Nam trước cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. kháng chiến chống quân Thanh thế kỉ XVIII B. kháng chiến chống quân Tống thế kỉ XI

C. kháng chiến chống thực dân Pháp thế kỉ XIX D. kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỉ X

**Câu 11.** Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí địa chiến lược nào sau đây?

**A.** Là cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

**B.** Nằm trên trục đường giao thông kết nối châu Á và châu Phi.

**C.** Là quốc gia có diện tích và dân số lớn nhất Đông Nam Á.

**D.** Lãnh thổ gồm cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

**Câu 12.** Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077), quân và dân nhà Lý đã giành được thắng lợi nào sau đây?

**A.** Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút.

**B.** Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

**C.** Chiến thắng trên sông Như Nguyệt.

**D.** Chiến thắng Tây Kết, Hàm Tử.

**Câu 13.** Lãnh đạo phong trào nông dân Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII là

A. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh. B. Nguyễn Lữ, Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ.

C. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ. D. Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh.

**Câu 14.** Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nào sau đây đã đưa đến sự thành lập vương triều Lê sơ?

A. Khởi nghĩa Lý Bí. B. Khởi nghĩa Lam Sơn.

C. Khởi nghĩa Phùng Hưng. D. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

**Câu 15.** Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là

A. Nguyễn Trãi. B. Lê Lợi. C. Lê Lai. D. Đinh Liệt.

**Câu 16.** Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (năm 248) đã chống lại ách đô hộ của triều đại phong kiến phương Bắc nào sau đây?

A. Nhà Hán. B. Nhà Ngô. C. Nhà Đường. D. Nhà Minh.

**Câu 17.** Năm 544, khởi nghĩa của Lí Bí thắng lợi đã thành lập ra nhà nước

A. Vạn Xuân. B. Đại Ngu. C. Đại Việt. D. Đại Cồ Việt.

**Câu 18.** Năm 1407, sau khi cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại, nước ta rơi vào ách thống trị của triều đại phong kiến Trung Quốc nào sau đây?

A. Nhà Hán. B. Nhà Đường. C. Nhà Minh. D. Nhà Tống.

**Câu 19.** Các cuộc khởi nghĩa trong thời Bắc thuộc của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

**A.** Đất nước có độc lập, chủ quyền.

**B.** Đất nước mất độc lập, tự chủ.

**B.** Trung Quốc bị Mông Cổ đô hộ.

**D.** Nhân dân Việt Nam đã bị đồng hóa.

**Câu 20.**Năm 1786, nghĩa quân Tây Sơn giành được thắng lợi nào sau đây?

A. Lật đổ chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

B. Đánh tan hơn 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

C. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

D. Đánh tan hơn 29 vạn quân Mãn Thanh xâm lược.

**Câu 21.** Nhằm tăng cường sức mạnh quân sự để đối phó với cuộc xâm lược của nhà Minh cuối thế kỉ XIV, Hồ Quý Ly đã tiến hành

**A.** cải cách văn hoá, xã hội, giáo dục. **B.** xây dựng toà thành Tây Đô kiên cố.

**C.** buộc vua Trần nhường ngôi cho mình. **D.** ban hành chính sách hạn điền, hạn nô.

**Câu 22.** Nửa sau thế kỉ XIV, cuộc khởi nghĩa nông dân nào sau đây đã diễn chống lại nhà Trần?

**A.** Khởi nghĩa Ngô Bệ (Hải Dương). **B.** Khởi nghĩa Phan Bá Vành (Thái Bình).

**C.** Khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang). **D.** Khởi nghĩa Lam Sơn (Thanh Hoá).

**Câu 23.** Năm 1400, Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi và lập ra triều đại

**A.** nhà Lê sơ. **B.** nhà Nguyễn. **C.** nhà Hồ. **D.** nhà Lý.

**Câu 24.** Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

**A.** cho phát hành tiền giấy.

**B.** ban hành chính sách hạn điền.

**C.** cải cách chế độ giáo dục.

**D.** thống nhất đơn vị đo lường.

**Câu 25.** Sau khi lên ngôi và lập ra nhà Hồ, Hồ Quý Ly đã

**A.** tổ chức kháng chiến chống quân Xiêm.

**B.** tạo ra cục diện chiến tranh Nam-Bắc triều.

**C.** mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

**D.** tiến hành cuộc cải cách sâu rộng.

**Câu 26 .** Trong cải cách về văn hoá, Hồ Quý Ly khuyến khích và đề cao chữ viết nào sau đây?

**A.** Chữ Nôm. **B.** Chữ Hán. **C.** Chữ Latinh. **D.**Chữ Quốc ngữ.

**Câu 27**. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối

**A**. nhân trị. **B**. đức trị **C**. kỹ trị. **D**. pháp trị.

**Câu 28.** Từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, tổ chức nào sau đây có nhiệm vụ đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

A. Đội Hoàng Sa, Bắc Hải B. Đội Trường Sa, Bắc Hải

C. Đội Hoàng Sa, Trường Sa. D. Đội Nam Hải, Đông Hải

**Câu 29.** Dưới thời vua Minh Mạng, hoạt động khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện qua việc

**A.** thành lập các xã đảo, huyện đảo **B.** dựng miếu, trồng cây ở một số đảo

**C.** xây dựng các trạm khí tượng lớn **D.** xây dựng các trạm vô tuyến điện

**Câu 30.** Hoạt động xác lập chủ quyền, quản lí liên tục mang tính nhà nước của các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được khẳng định thông qua việc

**A.**thành lập và hoạt động của các đội Hoàng Sa, Bắc Hải.

**B.** di dân đến khai hoang và sinh sống lâu dài trên các đảo.

**C.** cử quân đội chính quy đến đồn trú để bảo vệ các đảo.

**D.**các chúa Nguyễn thường xuyên đến các đảo để thị sát.

**Câu 31.**Tháng 3-1988, nhiều chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã hi sinh anh dũng khi chiến đấu bảo vệ chủ quyền tại đảo

**A.** Lý Sơn. **B.** Gạc Ma. **C.** Thổ Chu. **D.** Cô Tô.

**Câu 32.** Chủ trương nhất quán của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc hợp tác giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông hiện nay là sử dụng biện pháp đấu tranh nào?

A. Đấu tranh hòa bình. B. Bạo lực cách mạng.

C. Khởi nghĩa vũ trang. D. Kết hợp hòa bình với bạo lực.

**Câu 33.** Một trong những nguồn tài nguyên quan trọng nhất ở thềm lục địa Việt Nam ở Biển Đông là?

A. Dầu khí. B. Thạch cao. C. Cát đen. D. Than đá.

**Câu 34.** Chủ trương nhất quán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông hiện nay là

A. đấu tranh hòa bình. B. bạo lực cách mạng.

C.chiến tranh cách mạng. D. bãi công, bãi khóa

**Câu 35:** Văn kiện nào sau đây được kí kết giữa các nước ASEAN và Trung Quốc nhằm duy trì hòa bình và ổn định ở Biển Đông?

A. Luật Biển Việt Nam B. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông

C. Luật Biên giới quốc gia D. Tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam

 **Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

**Câu 1:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự cồng kềnh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

 (Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 91)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự

b. Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử

c. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều

d. Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua

**Câu 2:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1477, Lê Thánh Tông ban hành chế độ quân điền, chia ruộng đất công làng xã cho người dân, từ quan tam phẩm trở xuống đến binh lính, dân đinh, cư dân trong thôn xã theo tỉ lệ. Chính sách quân điền phủ định quyền chi phối ruộng đất công của làng xã theo tục lệ, buộc làng xã phải tuân thủ những nguyên tắc quy định về phân chia và hưởng thụ bộ phận ruộng đất công theo quy định của nhà nước. Trên nguyên tắc, ruộng đất công làng xã không được đem mua bán, chuyển nhượng, quyền đó thuộc về vua. Vua trở thành người chủ lớn nhất trong cả nước và nông dân làng xã trở thành tá điền của nhà nước, làng xã quản lí ruộng đất cho nhà nước trung ương và nhà vua”.

 (Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 109)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực kinh tế

b. Chế độ quân điền mà vua Lê Thánh Tông ban hành có điểm tích cực là đảm bảo cho người dân có ruộng đất để cày cấy, canh tác

c. Với chính sách quân điền, nhà nước Lê sơ trở thành thế lực địa chủ tối cao, làng xã biến thành đơn vị thay mặt nhà nước quản lý ruộng đất

d. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, chính sách quân điền gây ra nhiều hệ quá tiêu cực hơn là tích cực

**Câu 3: Đọc tư liệu sau:**

“Sau khi lên ngôi vua, Lê Thánh Tông đã nhận thức được tầm quan trọng của tầng lớp trí thức trong công cuộc xây dựng đất nước, nên ngay từ đầu ông đã chú trọng giáo dục khoa cử, coi trọng con đường khoa cử là con đường chính thức để lựa chọn và đào tạo nhân tài. Để làm được điều đó, Lê Thánh Tông đã cho xây dựng hệ thống trường học, đội ngũ giảng dạy từ trung ương đến địa phương, ra sức chỉ đạo việc học tập, giáo dục con đường khoa cử lấy Nho học làm trung tâm. Giáo dục đào tạo lấy việc bồi dưỡng giáo dục nhân tài làm điều trọng yếu”.

 (Trích “Giáo dục khoa cử Nho học; chính sách thu hút nhân tài cuả Lê Thánh Tông”, Tạp chí nghiên cứu lí luận, phát hành ngày 25/10/2017).

1. Dưới thời Lê Thánh Tông, giáo dục được đề cao.
2. Tất cả quan lại dưới thời Vua Lê Thánh Tông đều được tuyển chọn qua khoa cử.
3. Thi cử là phương pháp hữu hiệu nhất để lựa chọn được những nhân tài.
4. Muốn phát triển đất nước phải luôn chú trọng đến giáo dục.

**Câu 4:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nội các là một cơ yếu, phải đặc cách chọn lấy những bề tôi chầu hầu tùy tùng ở bên nhà vua khiến cho ra vào gần gụi đề phòng khi cần hỏi han. Những người sung vào chức đó thì lấy ở hàng quan Tam, Tứ phẩm trong các bộ, các viện, còn các thuộc viên thì lấy những người có chức hàm trong Viện hàn lâm sung vào, các bậc thì ở dưới Lục bộ. Phàm những sắc, chiếu, sớ tấu, sách vở, ghi chép, hoặc xem xét giấy tờ, đều thuộc tòa Nội các cả; những viên chức đó đều tùy theo công việc nặng nhẹ, nhiều ít, chước lượng mà chia ra từng tào để cho có chuyên trách”.

 (Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục,* Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004)

a. Nội các là một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương nhà Nguyễn từ thời vua Minh Mạng.

b. Toàn bộ các thành viên của Nội các đều lấy từ các chức quan ở trong Lục bộ

c. Theo lời dụ của Minh Mạng, một trong những nhiệm vụ của Nội các là giúp vua khởi thảo sắc, chiếu, sớ tấu…

d. Nội các chịu trách nhiệm trực tiếp trước nhà vua, đồng thời chịu sự giám sát của Lục bộ và các cơ quan chuyên môn khác.

**Câu 5:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Từ năm 1832, đại diện của Đô sát viện, bộ Hình và Đại lý tự tạo thành Tam pháp ty – cơ quan chuyên nhận đơn của những người kêu oan, tố cáo, đồng thời thẩm tra, xét xử những việc oan ức. Hàng tháng, vào các ngày 6, 16, 26 âm lịch, Tam pháp ty họp để xét xử. Nếu không đúng những ngày đó, người đưa đơn có thể đến trước của Tam pháp ty đánh trống Đăng Văn để báo hiệu. Trống Đăng Văn đã phát huy được chức năng trong việc tạo điều kiện cho dân chúng thể hiện tiếng nói của mình mỗi khi bị kết án oan. Đồng thời, sự tồn tại của trống Đăng Văn đã phần nào hạn chế sự chuyên quyền, độc đoán và thói ức hiếp dân chúng của một số quan lại địa phương, thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật thời bấy giờ.

a. Đoạn trích tập trung phản ánh sự bất cập, hạn chế trong xử lý các hình án dưới thời kì nhà Nguyễn.

b. Tam pháp ty được tạo nên bởi các thành viên của 3 cơ quan, gồm: Đô sát viện, bộ Hình và Đại lý tự.

c. Trống Đăng Văn có thể coi là một biểu tượng dân chủ dưới triều Nguyễn, góp phần hạn chế sự chuyên quyền, độc đoán của một số quan lại.

d. Tam pháp ty là cơ quan chuyên nhận đơn của những người kêu oan và họp bàn xét xử vào một số ngày cố định trong tháng.

**Câu 6:** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Dưới thời vua Minh Mạng, đứng đầu tỉnh là Tổng đốc (phụ trách một tỉnh lớn và một tỉnh nhỏ liền kề) hoặc Tuần phủ (phụ trách một tỉnh nhỏ). Hai cơ quan giúp việc cho Tổng đốc và Tuần phủ là Bố chính ty (do Bố chính sứ đứng đầu) và Án sát ty (do Án sát sứ đứng đầu). Bố chính ty phụ trách thuế khóa, đinh điền, hộ tịch. Án sát ty phụ trách hình án.

a. Đoạn trích phản ánh bộ máy chính quyền dưới thời vua Minh Mạng ở cấp trung ương.

b. Một trong những cải cách hành chính của vua Minh Mạng là chia nước ta ra thành các tỉnh.

c. Dưới thời vua Minh Mạng, Bố chính ty và Án sát ty là hai cơ quan giúp việc cho người đứng đầu cấp tỉnh.

d. Tổng đốc thường là người phụ trách hai tỉnh, trực tiếp cai trị một tỉnh. Tỉnh còn lại do Tuần phủ đứng đầu, đặt dưới sự kiêm quản của Tổng đốc.

**Câu 7:** **Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Cuộc cải cách của vua Minh Mạng diễn ra trên nhiều lĩnh vực và lĩnh vực nào cũng để lại dấu ấn tích cực và bài học lịch sử cho hậu thế. Một trong những dấu ấn cải cách trên lĩnh vực văn hóa của vua Minh Mạng là việc thành lập Quốc sử quán vào tháng 7 – 1820. Quốc sử quán vừa là một nội dung trong cải cách của Minh Mạng, vừa là cơ quan ghi lại rõ nhất những nội dung của cuộc cải cách dưới thời Minh Mạng và hoạt động của triều Nguyễn. Trong 125 năm tồn tại, Quốc sử quán đã để lại rất nhiều công trình đồ sộ về lịch sử, địa lý, văn hóa và con người Việt Nam. Đây là nguồn tài liệu quý giá cho các nhà nghiên cứu hiện nay trong việc nghiên cứu về Việt Nam thời Nguyễn”.

 (*Sách giáo khoa Lịch sử 11,* Bộ chân trời sáng tạo, tr. 75)

a) Đoạn trích cung cấp thông tin về những dấu ấn cải cách của vua Minh Mạng trên các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa

b) Quốc sử quán được thành lập dưới thời vua Minh Mạng là một cơ quan chuyên làm nhiệm vụ thu thập và biên soạn sách sử

c) Việc tìm hiểu, nghiên cứu về Việt Nam dưới thời Nguyễn chỉ có thể được thực hiện thông qua nguồn tài liệu mà Quốc sử quán triều Nguyễn ghi chép và để lại

d) Cuộc cải cách của vua Minh Mạng diễn ra trên nhiều lĩnh vực, nhưng để lại dấu ấn sâu sắc nhất là lĩnh vực văn hóa.

**Câu 8: Đọc đoạn tư liệu sau đây**

Biển Đông có tầm chiến lược quan trọng. Đây là tuyến đường giao thông biển huyết mạch. Biển Đông có vị trí quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế. Khu vực này tập trung các tuyến đường biển chiến lược kết nối Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - Đông Á. 5 trong số 10 tuyến đường vận tải biển trọng yếu của thế giới liên quan đến Biển Đông. Giao thông đường biển trong khu vực này nhộn nhịp vào hàng thứ hai thế giới, với nhiều tàu có trọng tải trên 5 000 tấn, trong số đó phần lớn là tàu chở dầu. Khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng như: eo Đài Loan, Ba-si, Ga-xpa, Ka-li-man-tan và đặc biệt là Ma-lắc-ca. Eo Ma-lắc-ca là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á, tạo nên "hành lang" hàng hải chính, kết nối nhiều nước, trong đó có 3 nước đông dân của thế giới là Ấn Độ, Trung Quốc và In-đô-nê-xi-a.

a) Biển Đông là tuyến đường giao thông huyết mạch ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

b) Biển Đông tạo điều kiện thuận lợi để các quốc gia ven biển có thể phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

c) Biển Đông đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam**.**

d) Biển Đông là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

**Câu 9: Đọc đoạn tư liệu sau đây**

Với chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hòa bình, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc áp dụng có hiệu quả Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 để giải quyết các tranh chấp về phân định biển với các nước láng giềng. Việt Nam đã chủ động cùng các quốc gia có liên quan đàm phán, phân định các vùng biển chồng lấn theo quy định của Công ước, góp phần tạo môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác và phát triển, như kí thỏa thuận hợp tác cùng phát triển dầu khí với Ma – lai – xi – a (1992), phân định biển với Thái Lan (1997), phân định Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc (2000), phân định thềm lục địa với In – đô – nê – xi – a (2003).

 (*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ Cánh diều, tr.89)

a. In – đô – nê – xi – a và Việt Nam đã đàm phán và cùng đi đến thỏa thuận hợp tác phát triển dầu khí trên biển năm 2003.

b. Việt Nam chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông thông qua biện pháp hòa bình, thương lượng.

c. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển là một văn bản pháp lý quan trọng giúp Việt Nam có thể giải quyết các tranh chấp trên biển thông qua luật pháp quốc tế.

d. Biện pháp giải quyết các tranh chấp trên biển Đông của Việt Nam không phù hợp với nguyên tắc của Liên hợp quốc.

**III. TỰ LUẬN**

**Bài 11:**Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)

**\* Vận dụng**

- Đánh giá ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng

- Đánh giá kết quả và nêu được bài học kinh nghiệm của cuộc cải cách Minh Mạng trong thực tiễn hiện nay.

- Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.**(NL3)**

**Bài 12:** Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông

**\* Thông hiểu**

- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.

- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

- Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ **(NL2)**